

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

**CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM BÍCH CHI**



**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN FAC**  
**FAC AUDITING CO., LTD**

Website : [www.kiemtoan.net.vn](http://www.kiemtoan.net.vn)

## MỤC LỤC

	<u>Trang</u>
1. MỤC LỤC	1
2. BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 4
3. BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	5
4. BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
4.1 Bảng cân đối kế toán	6 - 9
4.2 Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	10
4.3 Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	11 - 12
4.4 Thuyết minh Báo cáo tài chính	13 - 29

.....

## BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thực phẩm Bích Chi ("Công ty") trình bày báo cáo của mình cùng với báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 đã được kiểm toán.

### KHÁI QUÁT VỀ CÔNG TY

Công ty Cổ phần Thực phẩm Bích Chi (tên giao dịch là Bích Chi Food Company, tên viết tắt là BFC) là công ty cổ phần được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa công ty nhà nước Công ty Thực phẩm Bích Chi thành Công ty Cổ phần Thực phẩm Bích Chi theo quyết định số 968/QĐ-UB-HC ngày 18 tháng 10 năm 2000 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 5103000002 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Tháp cấp lần đầu ngày 27 tháng 12 năm 2000.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã 13 lần đăng ký thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh. Đăng ký kinh doanh thay đổi những lần gần đây nhất như sau:

Thay đổi đăng ký kinh doanh	Số giấy chứng nhận	Ngày
Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế, thay đổi lần thứ 9	1400371184	22/10/2009
Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, thay đổi lần thứ 10	1400371184	25/02/2011
Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, thay đổi lần thứ 11	1400371184	19/07/2012
Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, thay đổi lần thứ 12	1400371184	28/01/2013
Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, thay đổi lần thứ 13	1400371184	12/02/2014

Vốn điều lệ của Công ty từ khi thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu là 2.794.000.000 đồng và được thay đổi nhiều lần trong quá trình kinh doanh. Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đăng ký thay đổi lần thứ 13 là 50.306.770.000 đồng.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại 45x1 Nguyễn Sinh Sắc, phường 2, thành phố Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp.

Điện thoại : 0673 869589 Fax : 0673 864674

MST : 1400371184

Ngành nghề kinh doanh của Công ty bao gồm: Sản xuất chế biến lương thực, thực phẩm. Kinh doanh xuất nhập khẩu các loại thực phẩm; Sản xuất, chế biến thức ăn gia súc, thủy sản; Chế biến nóng sản; Kinh doanh phòng trọ; Mua bán rượu bia, nước hoa quả, nước ngọt, nước tinh khiết, thuốc lá điều sản xuất trong nước, đường, sữa, các sản phẩm sữa, bánh kẹo và các sản phẩm chế biến từ ngũ cốc, bột, tinh bột; Mua bán nông, lâm sản nguyên liệu; thủy sản, mỹ phẩm, chất tẩy rửa các loại, dụng cụ nhà bếp, bếp gas; Mua bán máy móc và phụ tùng máy nông nghiệp, mô tô, xe máy, phụ tùng và bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy; Mua bán vật liệu xây dựng, phương tiện, thiết bị phòng cháy chữa cháy.

### TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Tình hình tài chính tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2013, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được trình bày trong báo cáo tài chính đính kèm báo cáo này (từ trang 6 đến trang 29).

### SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày 31 tháng 12 năm 2013 cho đến thời điểm lập báo cáo này cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong báo cáo tài chính.

## CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM BÍCH CHI

45x1 Nguyễn Sinh Sắc, phường 2, Tp. Sa Đéc, Đồng Tháp

### BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

#### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này gồm:

##### Hội đồng quản trị

<u>Họ tên:</u>	<u>Chức vụ:</u>
Ông Phạm Thanh Bình	Chủ tịch
Ông Bùi Văn Sáu	Thành viên
Ông Nguyễn Ngọc Tiểu	Thành viên
Ông Trang Sĩ Đức	Thành viên
Ông Lê Thành Lương	Thành viên

##### Ban kiểm soát

<u>Họ tên:</u>	<u>Chức vụ:</u>
Ông Nguyễn Thanh Hoàng	Trưởng ban
Ông Trần Mạnh Hùng	Thành viên
Ông Phan Quang Thuận	Thành viên

##### Ban Tổng Giám đốc

<u>Họ tên:</u>	<u>Chức vụ:</u>
Ông Phạm Thanh Bình	Tổng Giám đốc
Ông Trang Sĩ Đức	Phó Tổng Giám đốc
Ông Bùi Văn Sáu	Phó Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Thu Thủy	Kế toán trưởng

Người đại diện theo pháp luật của Công ty là ông Phạm Thanh Bình - Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc Công ty.

#### KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Kiểm toán FAC đã kiểm toán báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013. FAC bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được chỉ định là kiểm toán viên độc lập của Công ty.

#### CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong từng năm tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phân đoạn và các ước tính một cách thận trọng;
- Công bố các chuẩn mực kế toán phải luận theo trong các vấn đề trọng yếu được công bố và giải trình trong báo cáo tài chính;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM BÍCH CHÌ**

45x1 Nguyễn Sinh Sắc, phường 2, Tp. Sa Đéc, Đồng Tháp

**BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)**

---

Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc đảm bảo rằng, Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập báo cáo tài chính; các số kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Công ty và báo cáo tài chính được lập tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành. Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

**PHÊ DUYỆT BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Chúng tôi, các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt báo cáo tài chính kèm theo. Báo cáo tài chính này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2013, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc



Phạm Thanh Bình

Chủ tịch Hội đồng quản trị

Đồng Tháp, ngày 24 tháng 3 năm 2014



www.kiemtoan.net.vn

## CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN FAC

Từ sở chính: 39/31 Phạm Văn Chiêu, P.8, Quận Gò Vấp, TP. HCM  
Văn Phòng Giao Dịch: 2/23 Quách Văn Tuấn, K.300 Cộng Hòa, P.12, Q. Tân Bình  
Chi nhánh Đà Nẵng: 07 Văn Đức - Phường Phước Hòa - Khu Trảng - Tân Khánh Hòa  
Chi nhánh Vũng Tàu: 169 Trương Công Định - TP. Vũng Tàu - Tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu

## FAC AUDITING CO., LTD

TEL: (05) 3 948 3100 FAX: (08) 3 940 3100  
TEL: (0-54) 3 870 355 FAX: (0-50) 3 872 344  
TEL: (0-54) 2 310 267 FAX: (0-64) 0 253 070

Số: 029/2014/BCTC-FAC

### BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi:** Các cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thực phẩm Bích Chi

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Thực phẩm Bích Chi ("Công ty") được lập ngày 24 tháng 3 năm 2014, từ trang 6 đến trang 29, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Thuyết minh báo cáo tài chính.

#### Trách nhiệm của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc

Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

#### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

#### Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Thực phẩm Bích Chi tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN FAC

TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN  
KIỂM TOÁN  
FAC

Hoàng Lam - Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề

Nguyễn Xuân Dũng - Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN		Mã số	Thuyết minh	31/12/2013	01/01/2013
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>100</b>		<b>111.986.338.564</b>	<b>76.326.236.407</b>
I. Tiền và các khoản tương đương tiền		110	IV. 1	28.995.442.239	12.568.410.649
1. Tiền		111		5.995.442.239	2.568.410.649
2. Các khoản tương đương tiền		112		23.000.000.000	10.000.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn		120		-	-
1. Đầu tư ngắn hạn		121		-	-
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn		129		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn		130		42.079.081.767	29.434.035.516
1. Phải thu khách hàng		131	IV. 2	35.374.338.917	27.186.467.379
2. Trả trước cho người bán		132	IV. 3	6.177.900.000	1.802.350.000
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn		133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng		134		-	-
5. Các khoản phải thu khác		135	IV. 4	526.842.850	445.218.137
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		139		-	-
IV. Hàng tồn kho		140		40.502.295.885	34.094.990.242
1. Hàng tồn kho		141	IV. 5	40.502.295.885	34.094.990.242
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác		150		409.518.673	228.800.000
1. Chi phí trả trước ngắn hạn		151		-	-
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		152		219.458.673	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		154		-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu chính phủ		157		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác		158	IV. 6	190.060.000	228.800.000

Mẫu B 01-DN

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2013	01/01/2013
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>57.151.989.078</b>	<b>47.368.298.776</b>
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		57.151.989.078	47.368.298.776
1. Tài sản cố định hữu hình	221	IV. 7	52.029.523.457	41.813.430.255
Nguyên giá	222		82.302.986.951	67.881.691.937
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(30.273.463.494)	(26.068.261.682)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
Nguyên giá	225		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	IV. 8	230.000.000	230.000.000
Nguyên giá	228		230.000.000	230.000.000
Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	-
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	IV. 9	4.892.465.621	5.324.868.521
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
Nguyên giá	241		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	242		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3. Đầu tư dài hạn khác	258		-	-
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		-	-
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		-	-
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>169.138.327.642</b>	<b>123.694.535.183</b>

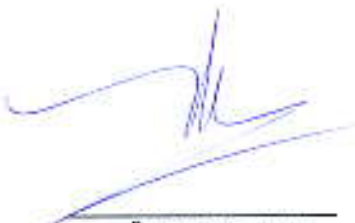


Mẫu B 01-DN

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2013	01/01/2013
<b>A - NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>78.430.846.342</b>	<b>41.380.720.776</b>
I. Nợ ngắn hạn	310		78.430.846.342	41.380.720.776
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	IV. 10	46.278.865.500	21.107.720.040
2. Phải trả người bán	312	IV. 11	4.324.748.120	5.386.322.946
3. Người mua trả tiền trước	313	IV. 12	1.946.661.016	929.222.838
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	IV. 13	3.528.696.712	4.753.821.739
5. Phải trả người lao động	315		4.951.647.794	2.213.330.154
6. Chi phí phải trả	316		-	-
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	IV. 14	11.447.659.477	2.040.088.081
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	IV. 15	5.952.368.723	4.950.214.978
12. Giao dịch mua bán lại trái phiếu chính phủ	327		-	-
II. Nợ dài hạn	330		-	-
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		-	-
4. Vay và nợ dài hạn	334		-	-
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	-
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
<b>B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>90.707.481.300</b>	<b>82.313.814.407</b>
I. Vốn chủ sở hữu	410		90.707.481.300	82.313.814.407
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	IV. 16	50.306.770.000	40.245.420.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417	IV. 18	26.976.367.407	20.272.643.149
8. Quỹ dự phòng tài chính	418	IV. 16	5.030.677.000	4.024.542.000
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	IV. 16	8.393.668.893	17.771.209.258
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>169.138.327.642</b>	<b>123.694.535.183</b>

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	31/12/2013	01/01/2013
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhân giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Hàng hóa nhân bán hộ, nhân ký gửi, ký cược		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
5. Ngoại tệ các loại <i>Dollar Mỹ (USD)</i>		55.665,08	23.350,58
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-



Nguyễn Thị Thu Thủy  
Kế toán trưởng



Đồng Tháp, ngày 24 tháng 3 năm 2014

Phạm Thanh Bình  
Chủ tịch Hội đồng quản trị

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2013	Năm 2012
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	V. 1	308.175.946.401	294.649.111.123
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	V. 1	2.346.721.194	1.833.519.120
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	V. 1	305.829.225.207	293.015.592.003
4. Giá vốn hàng bán	11	V. 2	225.343.043.258	208.058.273.631
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		80.486.181.949	84.957.318.372
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	V. 3	1.149.797.971	1.276.247.018
7. Chi phí tài chính	22	V. 4	1.562.492.573	1.960.063.900
Trong đó: chi phí lãi vay	23		992.726.842	1.654.089.267
8. Chi phí bán hàng	24	V. 5	28.025.624.970	24.751.336.010
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	V. 6	15.305.092.018	12.117.028.381
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		36.742.770.359	47.405.137.099
11. Thu nhập khác	31	V. 7	1.122.619.374	361.119.431
12. Chi phí khác	32	V. 8	987.304.258	630.536.534
13. Lợi nhuận khác	40		135.315.116	(269.417.103)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		36.878.085.475	47.135.719.996
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V. 9	9.196.445.337	8.327.634.558
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		27.681.640.138	38.808.085.438
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	V. 10	5.503	9.643

Nguyễn Thị Thu Thủy  
Kế toán trưởng



Đồng Tháp, ngày 24 tháng 3 năm 2014

Phạm Thanh Bình  
Chủ tịch Hội đồng quản trị

## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2013	Năm 2012
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		36.878.085.475	47.135.719.996
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định	02	IV. 7,8	8.328.058.245	6.543.358.568
- Các khoản dự phòng	03		-	(183.610.980)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		123.268.651	13.364.972
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(7.980.643.732)	(822.638.791)
- Chi phí lãi vay	06		992.726.842	1.654.089.287
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		38.341.495.481	54.340.283.052
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(12.783.826.343)	(2.882.588.512)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(6.407.305.643)	(4.144.739.150)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		1.970.500.887	(503.347.907)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(2.713.622.279)	-
- Tiền lãi vay đã trả	13		(992.726.842)	(1.654.089.287)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	IV. 13	(10.295.601.663)	(8.002.053.649)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		8.770.000	6.420.000
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(521.220.000)	(301.551.174)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>6.606.463.598</b>	<b>36.858.333.373</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(8.828.572.406)	(18.528.163.867)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	V. 7	577.272.728	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		611.944.942	822.638.791
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(7.639.354.736)</b>	<b>(17.705.525.076)</b>

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2013	Năm 2012
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn vốn chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	IV. 10	86.954.721.787	47.577.649.535
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	IV. 10	(61.999.149.105)	(41.520.526.280)
5. Tiền chi trả nợ thuế tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(7.546.015.500)	(23.066.034.000)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	40		<u>17.409.557.182</u>	<u>(17.308.910.745)</u>
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		16.376.666.044	1.843.897.552
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	IV. 1	12.568.410.649	10.723.724.695
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		50.365.546	788.402
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	IV. 1	<u>28.995.442.239</u>	<u>12.568.410.649</u>

Nguyễn Thị Thu Thủy  
Kế toán trưởng



Đồng Tháp, ngày 24 tháng 3 năm 2014

Phạm Thanh Bình  
Chủ tịch Hội đồng quản trị

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

### I. THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP

#### 1. Giấy phép hoạt động

Công ty Cổ phần Thực phẩm Bích Chi ("Công ty") là công ty cổ phần được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 5103000002 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Tháp cấp lần đầu ngày 27 tháng 12 năm 2000.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã 13 lần đăng ký thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

Vốn điều lệ của Công ty từ khi thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu là 2.794.000.000 đồng và được thay đổi nhiều lần trong quá trình kinh doanh. Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đăng ký thay đổi lần thứ 13 là 50.306.770.000 đồng.

Ngành nghề kinh doanh của Công ty bao gồm: Sản xuất chế biến lương thực, thực phẩm; Kinh doanh xuất nhập khẩu các loại thực phẩm; Sản xuất, chế biến thức ăn gia súc, thủy sản; Chế biến nông sản; Kinh doanh phòng trọ; Mua bán rượu bia, nước hoa quả, nước ngọt, nước tinh khiết, thuốc lá điều sản xuất trong nước, đường, sữa, các sản phẩm sữa, bánh kẹo và các sản phẩm chế biến từ ngũ cốc, bột, tinh bột; Mua bán nông, lâm sản nguyên liệu; thủy sản, mỹ phẩm, chất tẩy rửa các loại, dụng cụ nhà bếp, bếp gas; Mua bán máy móc và phụ tùng máy nông nghiệp, mô tô, xe máy, phụ tùng và bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy; Mua bán vật liệu xây dựng, phương tiện, thiết bị phòng cháy chữa cháy.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại 45x1 Nguyễn Sinh Sắc, phường 2, thành phố Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp.

#### 2. Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc

Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

##### *Hội đồng quản trị*

Ông Phạm Thanh Bình	Chủ tịch
Ông Bùi Văn Sáu	Thành viên
Ông Nguyễn Ngọc Tiểu	Thành viên
Ông Trang Sĩ Đức	Thành viên
Ông Lê Thành Lương	Thành viên

##### *Ban Tổng Giám đốc*

Ông Phạm Thanh Bình	Tổng Giám đốc
Ông Trang Sĩ Đức	Phó Tổng Giám đốc
Ông Bùi Văn Sáu	Phó Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Thu Thủy	Kế toán trưởng

### II. CƠ SỞ TRÌNH BÀY BÁO CÁO TÀI CHÍNH

#### 1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 của Công ty được trình bày theo nguyên tắc giá gốc dựa trên cơ sở giả định Công ty hoạt động kinh doanh liên tục và sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh bình thường trong tương lai gần.

## 2. Chế độ Kế toán và Chuẩn mực kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính của Công ty được trình bày phù hợp với Chế độ Kế toán doanh nghiệp và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 02 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và Chuẩn mực kế toán hiện hành trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013.

## 3. Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán áp dụng được đăng ký của Công ty là chứng từ ghi sổ.

## 4. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12 hàng năm.

## 5. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

## III. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

### 1. Thay đổi chính sách kế toán và áp dụng Chuẩn mực kế toán mới

Các chính sách kế toán của Công ty sử dụng để lập các báo cáo tài chính được áp dụng nhất quán với các chính sách đã được sử dụng để lập báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012, ngoại trừ các thay đổi về chính sách kế toán liên quan đến các nghiệp vụ sau:

Ngày 25 tháng 4 năm 2013, Bộ tài chính ban hành Thông tư số 45/2013/TT-BTC hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10/06/2013 và áp dụng từ năm tài chính năm 2013.

### 2. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, để dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

### 3. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm.

**4. Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá gốc của hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

**5. Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh. Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi lỗ phát sinh do bán hoặc thanh lý tài sản được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm.

**6. Tài sản cố định vô hình**

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến. Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh. Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị khấu hao lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi lỗ phát sinh do bán hoặc thanh lý tài sản được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm.

**7. Khấu hao tài sản cố định**

Tài sản cố định hữu hình và vô hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

**Tài sản cố định hữu hình:**

- Nhà cửa, vật kiến trúc	06 - 30 Năm
- Máy móc, thiết bị	04 - 07 Năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	08 - 09 Năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 08 Năm

**Tài sản cố định vô hình:**

- Quyền sử dụng đất không thời hạn	không trích khấu hao
------------------------------------	----------------------

**8. Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của doanh nghiệp.

Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí phát sinh trong năm ngoại trừ các khoản được vốn hóa như theo nội dung của đoạn tiếp theo.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể cần có một thời gian đủ dài để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc để bán được vốn hóa vào nguyên giá của tài sản đó.



**9. Chi phí đầu tư xây dựng cơ bản**

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư các dự án, xây dựng các hạng mục công trình mà chưa hoàn thành tại ngày lập Báo cáo tài chính, như chi phí giao thầu xây dựng, chi phí khảo sát, thiết kế và các chi phí khác.

**10. Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này. Chi phí trả trước được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong thời gian không quá 60 tháng.

**11. Tài sản thuê hoạt động**

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

**12. Các khoản phải trả và chi phí trích trước**

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

**13. Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch của ngân hàng thương mại tại thời điểm này. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch đo đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

**14. Vốn chủ sở hữu**

Vốn chủ sở hữu của Công ty bao gồm:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.
- Thặng dư vốn cổ phần là số chênh lệch giữa mệnh giá và giá phát hành cổ phiếu, trừ đi chi phí trực tiếp liên quan đến phát hành cổ phiếu.
- Cổ phiếu quỹ: Cổ phiếu do Công ty phát hành được Công ty mua lại (cổ phiếu quỹ) được ghi nhận theo nguyên giá (bao gồm tiền mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua) và trừ vào vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận lãi/lỗ khi mua, bán hoặc hủy cổ phiếu của mình.
- Các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu được trích lập và sử dụng theo Điều lệ của Công ty hoặc theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông Công ty.
- Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các nhà đầu tư sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

**15. Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

*Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành*

Thuế thu nhập hiện hành là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp áp dụng tại ngày cuối kỳ.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

*Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại*

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoãn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập hoãn lại phát sinh liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Doanh nghiệp chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi doanh nghiệp có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc các đơn vị chịu thuế khác nhau dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trong yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

**16. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu**

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

- Doanh thu từ bán hàng hóa được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và quyền sở hữu của hàng hóa được chuyển giao cho người mua, thường là trùng với việc chuyển giao hàng hóa.
- Khi cung cấp dịch vụ, doanh thu được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày cuối kỳ.
- Thu nhập từ tiền cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.
- Tiền lãi được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch và doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất từng kỳ.

**17. Công cụ tài chính**

*Ghi nhận ban đầu và trình bày*

*Tài sản tài chính*

Theo Thông tư 210/2009/TT-BTC, tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong Báo cáo tài chính thành tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn và tài sản tài chính giữ sẵn sàng để bán. Công ty quyết định phân loại các loại tài sản tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo nguyên giá cộng với chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc phát hành.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các loại tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác.

**Nợ phải trả tài chính**

Theo Thông tư 210/2009/TT-BTC, nợ phải trả tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong Báo cáo tài chính thành nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và các khoản nợ tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Công ty xác định phân loại các loại nợ phải trả tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, nợ phải trả tài chính được xác định theo nguyên giá cộng với chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc phát hành.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm nợ phải trả người bán, nợ phải trả khác.

**Giá trị sau ghi nhận lần đầu**

Hiện tại không có yêu cầu xác định lại giá trị của các công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

**Bù trừ các công cụ tài chính**

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên Báo cáo tài chính nếu và chỉ nếu, Công ty có quyền hợp pháp thi hành việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

**18. Bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

Giao dịch với các bên có liên quan với Công ty được trình bày ở thuyết minh số VI.1.

**IV. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<u>31/12/2013</u>	<u>01/01/2013</u>
Tiền mặt tại quỹ	279.656.930	131.959.331
Tiền gửi ngân hàng	5.715.785.309	2.436.451.318
Các khoản tương đương tiền (tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn tính đến ngày đáo hạn dưới 3 tháng)	<u>23.000.000.000</u>	<u>10.000.000.000</u>
<b>Cộng</b>	<b><u>28.995.442.239</u></b>	<b><u>12.568.410.649</u></b>

**2. Phải thu của khách hàng**

	<u>31/12/2013</u>	<u>01/01/2013</u>
Liên hiệp Hợp tác xã Thương mại TPHCM (Sai Gon Co.op)	3.257.616.916	1.932.808.108
Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam	2.105.400.000	993.850.000
Quinworth Resources	1.475.840.358	1.926.600.414
Chan's Limited	548.211.938	659.006.251
S.O.P International Limited	1.107.154.916	-
Trans Actions Sarl	1.539.205.000	-
Matthew's Foods	567.776.880	1.129.960.656
Asiana Limited	1.086.973.920	573.353.184
Cook's Delights Limited - U.K	1.090.035.462	1.275.948.274
Hoo Hing Limited	549.357.024	526.365.216
JK Foods UK Ltd	865.556.119	1.090.135.438
Links Korea Co.,Ltd	848.511.215	1.157.353.642
Kwan Yick (U.K) Limited	1.648.071.072	1.733.931.000
Các khách hàng khác	<u>18.584.616.097</u>	<u>14.187.155.196</u>
<b>Cộng</b>	<b><u>35.374.338.917</u></b>	<b><u>27.186.467.379</u></b>



	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, đồ đùng quản lý	Tổng cộng
Hao mòn lũy kế					
Tại 01/01/2013	10.554.389.990	14.486.109.562	866.349.716	161.412.414	26.068.261.682
Trích khấu hao	2.824.556.359	5.086.420.107	412.095.110	4.986.669	8.328.058.245
Thanh lý	(132.847.569)	(3.097.804.216)	(106.230.000)	-	(3.326.881.785)
Điều chỉnh giảm theo Thông tư 45/2013/TT-BTC	(19.136.903)	(544.687.571)	-	(97.032.415)	(660.856.889)
Kết chuyển khác	-	(135.117.759)	-	-	(135.117.759)
Tại 31/12/2013	<b>13.226.961.877</b>	<b>15.804.920.123</b>	<b>1.172.214.826</b>	<b>69.366.668</b>	<b>30.273.463.494</b>
Giá trị còn lại					
Tại 01/01/2013	17.345.970.186	21.582.264.372	2.872.865.694	12.330.003	41.813.430.255
Tại 31/12/2013	<b>23.285.817.879</b>	<b>26.333.671.663</b>	<b>2.382.650.583</b>	<b>27.383.332</b>	<b>52.029.523.457</b>

Một số tài sản cố định của Công ty đã được thế chấp để bảo đảm cho các khoản vay tại các Ngân hàng (xem thuyết minh IV.10).

**8. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình**

Tài sản cố định vô hình là Quyền sử dụng đất lâu dài của Công ty.

**9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	31/12/2013	01/01/2013
Mua sắm tài sản cố định	4.179.334.942	3.780.076.428
Xây dựng cơ bản dở dang	713.130.679	1.544.792.093
<b>Cộng</b>	<b>4.892.465.621</b>	<b>5.324.868.521</b>

**10. Vay và nợ ngắn hạn**

Chi tiết phát sinh về các khoản vay và nợ ngắn hạn như sau:

	Tại ngày 01/01/2013	Số tiền vay trong năm	Thanh toán trong năm	Đánh giá lại	Tại ngày 31/12/2013
Vay ngắn hạn ngân hàng	21.107.720.040	86.720.921.787	61.996.249.105	215.572.778	46.055.965.500
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Đồng Tháp (a)	21.107.720.040	68.650.730.046	65.396.956.025	199.245.714	34.660.739.775
Ngân hàng TNHH Một Thành Viên HSBC (Việt Nam) - Chi nhánh Cần Thơ (b)	-	18.070.191.741	6.599.293.080	16.327.064	11.495.225.725
Vay ngắn hạn các tổ chức và cá nhân khác	-	225.800.000	2.900.000	-	222.960.000
Hủy động vốn cán bộ công nhân viên (c)	-	225.800.000	2.900.000	-	222.960.000
<b>Cộng</b>	<b>21.107.720.040</b>	<b>86.954.721.787</b>	<b>61.999.149.185</b>	<b>215.572.778</b>	<b>46.278.855.500</b>

Thông tin về các khoản vay ngắn hạn như sau:

- (a) Khoản vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Đồng Tháp (Vietcombank Đồng Tháp) theo hợp đồng tín dụng số 121/2011/NHNT.ĐT ngày 17 tháng 6 năm 2011 để bổ sung vốn lưu động nhằm mục đích thanh toán bổ sung vốn lưu động nhằm mục đích thanh toán bổ sung các chi phí sản xuất kinh doanh thực phẩm các loại. Chi tiết như sau:

Tổng hạn mức vay tương đương 20.000.000.000 đồng (bao gồm dư nợ cho vay VND và Đô la Mỹ (USD)).

Thời gian vay: Được tính theo từng giấy nhận nợ của từng lần rút vốn, tối đa là 6 tháng kể từ ngày nhận nợ vay theo từng giấy nhận nợ.

Lãi suất: Được ghi trên từng giấy nhận nợ và được điều chỉnh theo thông báo lãi suất của Chi nhánh Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Đồng Tháp từng kỳ. Lãi suất vay trong kỳ đối với USD là 4%/năm và VND từ 15.5% -17%/năm.

Tài sản bảo đảm cho khoản vay là các phần xưởng sản xuất, văn phòng làm việc, toàn bộ máy móc thiết bị, dây chuyền công nghệ hiện hữu lại văn phòng Công ty theo các hợp đồng thế chấp tài sản số 83/2011/VCB-ĐT, số 84/2011/VCB-ĐT và số 85/2011/VCB-ĐT.

Trong kỳ Công ty cũng đã ký hợp đồng tín dụng số 91/2012/NHNT.ĐT, ngày 26 tháng 4 năm 2012, với Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Đồng Tháp nhằm mục đích thanh toán bổ sung vốn lưu động nhằm mục đích thanh toán bổ sung các chi phí sản xuất kinh doanh thực phẩm các loại. Tổng hạn mức vay là 1.400.000.000 USD.

- (b) Các khoản vay tại ngân hàng TNHH MTV HSBC được thực hiện theo các quy định trên "thư giới thiệu khoản vay ngân hàng" bao gồm:

Hạn mức cho vay : tối đa 1.000.000 USD

Thời hạn vay : tối đa 120 ngày

Mục đích vay: tín dụng làm hàng trước xuất khẩu, mua hàng hóa, nguyên vật liệu...

Lãi suất (USD): chi phí vốn của thời hạn tương ứng + 1,5% □

Tài sản đảm bảo: thế chấp các khoản phải thu, hàng tồn kho, bảo hiểm hàng tồn kho có giá trị tối thiểu 1.000.000 USD hoặc máy móc, thiết bị trị giá tối thiểu 180.000 USD.

- (c) Huy động vốn cán bộ công nhân viên bằng hình thức vay tiền gửi tiết kiệm với lãi suất 4%/năm, tiền lãi sẽ được trả một lần vào cuối năm.

**11. Phải trả cho người bán**

	<u>31/12/2013</u>	<u>01/01/2013</u>
Phải cho các nhà cung cấp hàng hóa và dịch vụ phục vụ cho hoạt động kinh doanh của Công ty	4.324.748.120	5.248.600.746
Phải cho các nhà thầu, nhà cung cấp hàng hóa và dịch vụ phục vụ cho hoạt động đầu tư tài sản cố định của Công ty	-	137.722.200
<b>Cộng</b>	<b><u>4.324.748.120</u></b>	<b><u>5.386.322.946</u></b>

**12. Người mua trả tiền trước**

	<u>31/12/2013</u>	<u>01/01/2013</u>
Millenium T&S Import - Export	437.935.450	506.745.240
Janus - Senegal	846.490.007	-
Eagle Asia Trading PTE Ltd	-	225.525.584
Star Anise Food	117.595.262	-
P.D.Jaya Abadi	338.498.590	-
Khách hàng khác	206.141.707	196.952.014
<b>Cộng</b>	<b><u>1.946.661.016</u></b>	<b><u>929.222.838</u></b>

**13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

Tình hình thực hiện nghĩa vụ Thuế và các khoản nộp Ngân sách Nhà nước của Công ty trong năm như sau :

	01/01/2013	Số phải nộp	Số đã nộp	31/12/2013
Thuế GTGT hàng bán nội địa	230.302.789	994.228.264	1.224.531.053	-
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	84.455.851	84.455.851	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	195.294.675	195.294.675	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	4.474.119.116	9.195.445.337	10.295.601.663	3.374.962.790
Thuế thu nhập cá nhân	49.399.834	798.377.372	817.960.684	29.815.522
Thuế tài nguyên	-	1.930.436	1.794.036	136.400
Thuế đất, tiền thuê đất	-	241.858.008	118.078.008	123.780.000
Các loại thuế khác	-	30.557.820	30.557.820	-
<b>Cộng</b>	<b>4.753.821.739</b>	<b>11.543.147.763</b>	<b>12.768.273.790</b>	<b>3.528.695.712</b>

**Thuế giá trị gia tăng**

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế GTGT cho các sản phẩm và dịch vụ như sau:

- Xuất khẩu	0%
- Thức ăn gia súc	5%
- Các sản phẩm & dịch vụ khác	10%

**Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Xem thuyết minh III.15 và thuyết minh V.9

**Các loại thuế khác**

Công ty kê khai và nộp thuế theo quy định.

Việc xác định nghĩa vụ thuế các loại phải nộp của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Số thuế phải nộp theo quyết toán thuế của Công ty chịu sự kiểm tra của Cơ quan Thuế, do đó số thuế trình bày trên Báo cáo tài chính này có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của Cơ quan Thuế.

**14. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác**

	31/12/2013	01/01/2013
Kinh phí công đoàn	874.309.477	1.144.777.677
Bảo hiểm xã hội	-	36.257.404
Quỹ công tác xã hội từ thiện	166.000.000	154.000.000
Cổ tức phải trả	10.061.354.000	-
Tiền bảo hành nội hơi đốt trấu - Công ty TNHH Bách Khoa Á Châu	157.300.000	353.353.000
Các khoản khác	188.896.000	351.700.000
<b>Cộng</b>	<b>11.447.859.477</b>	<b>2.040.088.081</b>

**15. Quỹ khen thưởng phúc lợi**

	Năm 2013	Năm 2012
Số dư tại ngày 01/01	4.950.214.978	3.391.908.278
Trích quỹ từ lợi nhuận sau thuế trong kỳ	1.419.103.745	1.767.589.500
Tặng khác	8.770.000	6.420.000
Chi quỹ trong năm	(425.720.000)	(215.702.800)
<b>Số dư tại ngày 31/12</b>	<b>6.952.368.723</b>	<b>4.950.214.978</b>



16. Vốn chủ sở hữu

Tình hình tăng giảm vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Tại 01/01/2012	20.022.000.000	1.942.000.000	16.831.792.618	3.003.390.000	27.603.684.884	69.403.467.502
Tăng vốn trong năm	20.222.820.000	(1.942.000.000)	-	-	(16.280.820.000)	-
Lợi nhuận năm 2012	-	-	-	-	38.808.085.438	38.808.085.438
Chi trả cổ tức năm 2011	-	-	-	-	(9.010.170.000)	(9.010.170.000)
Chi trả cổ tức năm 2012	-	-	-	-	(14.055.864.000)	(14.055.864.000)
Trích lập Quỹ công tác xã hội và từ thiện	-	-	-	-	(150.000.000)	(150.000.000)
Trích Quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	(1.767.589.500)	(1.767.589.500)
Trích lập các quỹ từ lợi nhuận	-	-	3.440.850.531	1.849.418.859	(5.290.269.190)	-
Xử lý nợ phải thu khó đòi	-	-	-	(828.266.659)	-	(828.266.659)
Thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát	-	-	-	-	(72.000.000)	(72.000.000)
Chi khác	-	-	-	-	(13.848.374)	(13.848.374)
Tại 31/12/2012	40.245.420.000	-	20.272.643.149	4.024.542.000	17.771.209.258	82.313.814.407
Tại 01/01/2013	40.245.420.000	-	20.272.643.149	4.024.542.000	17.771.209.258	82.313.814.407
Tăng vốn trong năm	10.081.350.000	-	-	-	(10.081.350.000)	-
Lợi nhuận năm 2013	-	-	-	-	27.881.640.136	27.881.640.136
Trích lập Quỹ công tác xã hội và từ thiện	-	-	-	-	(168.000.000)	(168.000.000)
Trích Quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	(1.419.103.745)	(1.419.103.745)
Trích lập các quỹ từ lợi nhuận	-	-	6.703.724.259	1.006.135.000	(7.709.859.259)	-
Tạm ứng cổ tức năm 2013	-	-	-	-	(17.607.369.500)	(17.607.369.500)
Thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát	-	-	-	-	(72.000.000)	(72.000.000)
Chi khác	-	-	-	-	(23.500.000)	(23.500.000)
Tại 31/12/2013	60.306.770.000	-	26.976.367.407	5.030.677.000	8.393.666.893	90.707.481.300

Tăng giảm vốn đầu tư của chủ sở hữu

Thực hiện Nghị quyết của Hội đồng quản trị số 90/NQ-HĐQT ngày 20 tháng 11 năm 2012 về việc "xin ý kiến cổ đông bằng văn bản" và Quyết định số 01/QĐ.HĐQT ngày 22 tháng 1 năm 2013 của Chủ tịch Hội đồng quản trị về việc "phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần cho cổ đông hiện hữu", Công ty đã phát hành 1.006.135 cổ phiếu thưởng cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ 100:25. Nguồn vốn thực hiện từ lợi nhuận chưa phân phối của năm 2012. Công ty đã hoàn tất việc phát hành và đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Tháp cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 5103000002 ngày 28 tháng 01 năm 2013, với vốn điều lệ là 60.306.770.000 đồng.



**Cổ phiếu phổ thông và cổ phiếu ưu đãi**

	31/12/2013	01/01/2013
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	5.030.677	4.024.542
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	5.030.677	4.024.542
- Cổ phiếu phổ thông	5.030.677	4.024.542
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	5.030.677	4.024.542
- Cổ phiếu phổ thông	5.030.677	4.024.542
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phiếu.

**Cổ tức**

Thực hiện Nghị quyết của Hội đồng quản trị ngày 22 tháng 06 năm 2013; Công ty tiến hành tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2013 với tỉ lệ thực hiện là 15%/nguồn vốn chủ sở hữu với số tiền 7.546.015.500 đồng.

Thực hiện Nghị quyết của Hội đồng quản trị ngày 05 tháng 12 năm 2013; Công ty tiến hành tạm ứng cổ tức đợt 2 năm 2013 với tỉ lệ thực hiện là 20%/nguồn vốn chủ sở hữu với số tiền 10.061.354.000 đồng.

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH**

**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm 2013	Năm 2012
Tổng doanh thu	308.175.946.401	294.849.111.123
- Doanh thu bán hàng hóa và thành phẩm	307.047.884.590	294.149.877.131
- Doanh thu dịch vụ đã cung cấp	1.128.061.811	699.233.992
Các khoản giảm trừ:	2.346.721.194	1.833.519.120
- Chiết khấu thương mại	1.626.877.716	1.300.566.861
- Hàng bán bị trả lại	719.843.478	532.952.259
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>305.829.225.207</b>	<b>293.015.592.003</b>

**2. Giá vốn hàng bán**

	Năm 2013	Năm 2012
Giá vốn của thành phẩm	224.214.981.447	207.898.196.075
Giá vốn của dịch vụ	1.128.061.811	160.077.556
<b>Cộng</b>	<b>225.343.043.258</b>	<b>208.058.273.631</b>

**3. Doanh thu hoạt động tài chính**

	Năm 2013	Năm 2012
Lãi tiền gửi ngân hàng, lãi cho vay	611.944.942	822.638.791
Lãi chênh lệch tỷ giá	537.853.029	453.608.227
<b>Cộng</b>	<b>1.149.797.971</b>	<b>1.276.247.018</b>

	Năm 2013	Năm 2012
<b>4. Chi phí tài chính</b>		
Chi phí lãi vay	992.726.842	1.708.670.857
Lỗ chênh lệch tỷ giá	569.765.731	251.393.043
<b>Cộng</b>	<b>1.562.492.573</b>	<b>1.960.063.900</b>
<b>5. Chi phí bán hàng</b>		
Chi phí nhân viên bán hàng	1.834.929.847	983.589.977
Chi phí khấu hao tài sản cố định	245.707.368	15.095.708
Chi phí dịch vụ mua ngoài	21.084.105.373	15.164.845.995
Chi phí khác bằng tiền	4.860.882.392	6.567.803.330
<b>Cộng</b>	<b>28.025.624.970</b>	<b>24.751.336.010</b>
<b>6. Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>		
Chi phí cho nhân viên	8.544.018.288	6.607.611.298
Chi phí vật liệu, công cụ dụng cụ	1.045.670.249	613.232.206
Chi phí đồ dùng văn phòng	536.180.661	253.261.511
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.291.686.311	495.789.706
Thuế, phí và lệ phí	272.487.256	146.827.628
Chi phí dịch vụ mua ngoài	756.879.219	515.767.839
Chi phí dịch vụ mua ngoài và bằng tiền khác	2.858.190.034	3.283.537.993
<b>Cộng</b>	<b>15.305.092.018</b>	<b>12.117.028.381</b>
<b>7. Thu nhập khác</b>		
Thu nhập từ bán bao bì cho khách hàng nước ngoài	-	204.506.702
Hoàn nhập quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm	-	64.595.894
Thu thanh lý tài sản	577.272.728	-
Kết chuyển chi phí cổ phần hóa không phải trả	210.000.000	-
Thu nhập từ nguồn hỗ trợ của Trung tâm xúc tiến thương mại	-	45.000.000
Các khoản thu nhập khác	335.346.646	47.016.835
<b>Cộng</b>	<b>1.122.619.374</b>	<b>361.119.431</b>
<b>8. Chi phí khác</b>		
Chi trả giá trị khối lượng tính vượt thực tế dự án bổ sung trang thiết bị năm 1995 theo thông báo số 94/STC-ĐT ngày 07/03/2012 của Sở Tài Chính	-	26.489.000
Sở Tài nguyên và Môi trường truy thu theo Quyết định số 52 ngày 22 tháng 12 năm 2011	-	596.363.642
Chi phí thanh lý tài sản	972.530.208	-
Các khoản chi phí khác	14.774.050	7.703.892
<b>Cộng</b>	<b>987.304.258</b>	<b>630.536.534</b>

**9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

Công ty nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 25%. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm 2013 được ước tính như sau:

	<u>Năm 2013</u>
Lợi nhuận kế toán trước thuế	36.878.085.475
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:	
Các khoản điều chỉnh tăng	-
Các khoản điều chỉnh giảm	(92.304.127)
Lãi do đánh giá lại số dư tiền gửi và các khoản phải thu có gốc ngoại tệ	(92.304.127)
<b>Tổng thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>36.785.781.348</b>
Thuế TNDN từ hoạt động SXKD tính theo thuế suất phổ thông (25%)	<u>9.196.445.337</u>
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b><u>9.196.445.337</u></b>

**10. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	<u>Năm 2013</u>	<u>Năm 2012</u>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	27.681.640.138	38.808.085.438
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	27.681.640.138	38.808.085.438
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	<u>5.030.677</u>	<u>4.024.542</u>
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b><u>5.503</u></b>	<b><u>9.643</u></b>

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm được tính như sau:

	<u>Năm 2013</u>	<u>Năm 2012</u>
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm (sau khi đã điều chỉnh hồi tố ảnh hưởng của việc phát hành cổ phiếu thưởng)	4.024.542	2.002.260
Ảnh hưởng trình bày lại của cổ phiếu thưởng đợt phát hành ngày 14/04/2012	-	1.001.130
Ảnh hưởng trình bày lại của cổ phiếu thưởng đợt phát hành ngày 17/07/2012	-	1.021.152
Ảnh hưởng trình bày lại của cổ phiếu thưởng đợt phát hành ngày 22/01/2013	<u>1.008.135</u>	-
<b>Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ</b>	<b><u>5.030.677</u></b>	<b><u>4.024.542</u></b>

Lãi cơ bản trên cổ phiếu cổ phiếu được điều chỉnh hồi tố do cổ phiếu phổ thông đang lưu hành của Công ty tăng lên phát hành cổ phiếu thưởng.

## VI. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

### 1. Giao dịch với các bên liên quan

Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc	Thành viên quản lý chủ chốt

Các giao dịch trong yếu giữa Công ty với các bên có liên quan trong năm như sau:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Nội dung giao dịch</u>	<u>Số tiền</u>
Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc	Tiền lương, thù lao và tiền thưởng	3.034.130.000

### 2. Mục đích và chính sách quản lý rủi ro tài chính

Công cụ tài chính chủ yếu của Công ty bao gồm tiền mặt, các khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết. Mục đích chính của những công cụ tài chính này là nhằm huy động nguồn tài chính phục vụ hoạt động kinh doanh của Công ty. Công ty còn có nhiều tài sản tài chính khác như các khoản phải thu thương mại, tiền và tiền gửi ngắn hạn phát sinh trực tiếp từ các hoạt động kinh doanh.

Rủi ro trọng yếu phát sinh từ các công cụ tài chính của Công ty là rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro về tính thanh khoản.

Nhiệm vụ quản lý rủi ro là nhiệm vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm bảo đảm sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty liên tục theo dõi quy trình quản lý rủi ro của Công ty để bảo đảm sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty xem xét và thống nhất áp dụng những chính sách quản lý cho những rủi ro nêu trên như sau:

#### Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Giá thị trường bao gồm các loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ (rủi ro ngoại hối), rủi ro hàng hóa và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phiếu. Các công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản tiền gửi và các khoản đầu tư tài chính.

#### Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi ngắn hạn.

Công ty quản lý rủi ro bằng cách theo dõi chặt chẽ tình hình thị trường có liên quan, phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường, trên cơ sở đó, Công ty dự định và điều chỉnh mức đòn bẩy tài chính cũng như chiến lược tài chính theo tình hình hiện tại để có được mức lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

#### Rủi ro ngoại hối

Rủi ro ngoại hối là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Công ty chịu rủi ro do sự thay đổi của tỷ giá hối đoái liên quan trực tiếp đến các hoạt động kinh doanh của Công ty (khi doanh thu và chi phí được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng tiền hạch toán của Công ty) và các khoản vay của Công ty có gốc ngoại tệ.

Công ty chưa sử dụng các công cụ phái sinh để phòng ngừa các rủi ro về ngoại hối.

Công ty chịu rủi ro liên quan đến việc bán sản phẩm, mua bán thiết bị, nguyên vật liệu, hàng hóa và dịch vụ có gốc ngoại tệ. Công ty quản lý rủi ro ngoại hối bằng các xem xét tình hình thị trường hiện hành và dự kiến khi Công ty khi mua bán sản phẩm, thiết bị, nguyên vật liệu và dịch vụ có gốc ngoại tệ trong tương lai.

#### Rủi ro về giá hàng hóa

Công ty có rủi ro về giá hàng hóa và dịch vụ do thực hiện việc mua hàng hóa và dịch vụ phục vụ cho hoạt động của Công ty. Công ty quản lý rủi ro về giá hàng hóa thông qua việc theo dõi chặt chẽ thông tin và tình hình có liên quan về thị trường nhằm quản lý thời điểm, đồng thời tổ chức đấu thầu cho các hợp đồng mua hàng có giá trị lớn với các nhà thầu, nhà cung cấp trên cơ sở đơn giá cố định hoặc giá trọn gói cố định.

#### Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện được nghĩa của mình, dẫn đến tổn thất về mặt tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng ngắn và dài hạn.

#### Phải thu khách hàng

Việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng của Công ty dựa trên các chính sách bán hàng, thủ tục và quy trình kiểm soát của Công ty có liên quan đến việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng.

Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu của khách hàng chưa được thu và tìm cách duy trì chặt chẽ đối với các khoản phải thu lớn đọng. Đối với các khách hàng lớn, Công ty thực hiện việc xem xét sự suy giảm chất lượng tín dụng của từng khách hàng tại ngày lập báo cáo. Trên cơ sở này và việc các khoản phải thu khách hàng của Công ty có liên quan đến nhiều đối tượng khách hàng khác nhau, rủi ro tín dụng không tập trung đáng kể vào một khách hàng nhất định.

#### Tiền gửi ngân hàng

Công ty duy trì tiền gửi ngân hàng tại các ngân hàng lớn tại Việt Nam. Rủi ro tín dụng tiền gửi ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ của Công ty theo chính sách của Công ty. Công ty nhận thấy mức tập trung độ rủi ro tín dụng đối tiền gửi ngân hàng là thấp.

#### Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Công ty cho là đủ để đáp ứng nhu cầu cho các hoạt động của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng trên cơ sở chưa chiết khấu:

	Dưới 1 năm	Từ 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Tổng cộng
<b>Tại ngày 01/01/2013</b>				
Các khoản vay và nợ	21.107.720.040	-	-	21.107.720.040
Phải trả người bán	5.386.322.946	-	-	5.386.322.946
Các khoản phải trả khác	14.886.677.790	-	-	14.886.677.790
<b>Cộng</b>	<b>41.380.720.776</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>41.380.720.776</b>
<b>Tại ngày 31/12/2013</b>				
Các khoản vay và nợ	46.278.865.500	-	-	46.278.865.500
Phải trả người bán	4.324.748.120	-	-	4.324.748.120
Các khoản phải trả khác	27.827.232.722	-	-	27.827.232.722
<b>Cộng</b>	<b>78.430.846.342</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>78.430.846.342</b>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là không lớn. Công ty có đủ khả năng thanh toán cho các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền được tạo ra từ hoạt động kinh doanh, tiền thu hồi các tài sản tài chính khi đáo hạn và từ các nguồn vốn huy động khác.

**3. Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính**

Bảng dưới đây trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các công cụ tài chính trong Báo cáo tài chính của Công ty:

**Tài sản tài chính**

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	31/12/2013	01/01/2013	31/12/2013	01/01/2013
Tiền gửi ngắn hạn	23.000.000.000	10.000.000.000	23.000.000.000	10.000.000.000
Tiền và các khoản tương đương tiền	5.995.442.239	2.568.410.649	5.995.442.239	2.568.410.649
Phải thu khách hàng	35.374.338.917	27.186.467.379	35.374.338.917	27.186.467.379
Phải thu khác	6.704.742.850	2.247.568.137	6.704.742.850	2.247.568.137
<b>Cộng</b>	<b>71.074.524.006</b>	<b>42.002.446.165</b>	<b>71.074.524.006</b>	<b>42.002.446.165</b>

**Nợ phải trả tài chính**

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	31/12/2013	01/01/2013	31/12/2013	01/01/2013
Các khoản vay và nợ	46.278.865.500	21.107.720.040	46.278.865.500	21.107.720.040
Phải trả người bán	4.324.748.120	5.386.322.946	4.324.748.120	5.386.322.946
Các khoản phải trả khác	27.827.232.722	14.886.677.790	27.827.232.722	14.886.677.790
<b>Cộng</b>	<b>78.430.846.342</b>	<b>41.380.720.776</b>	<b>78.430.846.342</b>	<b>41.380.720.776</b>

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý.

Công ty sử dụng phương pháp và giá định sau đây để ước tính giá trị hợp lý cho mục đích thuyết minh trên Báo cáo tài chính.

- Giá trị hợp lý của tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải trả người bán và các khoản nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương với giá trị ghi sổ của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn hạn.
- Các khoản vay ngân hàng và các khoản nợ phải trả tài chính khác mà giá trị hợp lý không thể xác định được một cách chắc chắn do không có thị trường có tính thanh khoản cao cho các khoản vay ngân hàng và các khoản nợ phải trả tài chính khác này được trình bày bằng giá trị ghi sổ.

**4. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính**

Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc khẳng định không có sự kiện quan trọng nào phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2013 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong báo cáo tài chính.

Nguyễn Thị Thu Thủy  
Kế toán trưởng



Phạm Thanh Bình  
Chủ tịch Hội đồng quản trị

Đồng Tháp, ngày 24 tháng 3 năm 2014